

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ XUÂN VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 624/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 6 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Xuân Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Sơn

- Bà Mai Thị Tám

Thu ký phiên tòa: Bà Bé Thị An – Thu ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Ông Đào Văn Tiền.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi (số G đường Tỉnh lộ 8, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1225/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 267/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Trương Văn X, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên lạc: Số A, đường H, Tổ F, Ấp D, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Văn X tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 18/4/2013, do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp).

Xây dựng gia đình xong, vợ chồng bà T ở trọ tại thành phố Hồ Chí Minh, không có nhà riêng và cũng không hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng

bà T xảy ra mâu thuẫn năm 2016, nguyên nhân phát sinh từ ông X cờ bạc, vũ phu, bà T đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn ông Trương Văn X vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Trương Văn X. Giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đã sống ly thân, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Văn X. Tại thời điểm bà T khởi kiện thì ông Trương Văn X đang cư trú tại xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trương Văn X đến lần thứ hai, nhưng ông X vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Văn X với lý do vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn ông X cò bạc, vũ phu với bà. Bà T xác định không còn tình cảm với ông X, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X. Xét thấy, giữa bà T và ông X có phát sinh mâu thuẫn. Bà T xác định không còn tình cảm với ông X, ông X vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử điều đó cho thấy ông X không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông X với lý do giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở.

Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn:

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[4]. Xét đề nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trương Văn X. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trương Văn X.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 18/4/2013 được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003125 ngày 18/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Đức Hoà, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Xuân Hà

